TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƯ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HS-ST
Ngày 01/02/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ XUÂN – TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Kim Sơn

Ông Nguyễn Xuân Ký.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Như Xuân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân tham gia phiên tòa:

Ông Đỗ Kế Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2023/TLST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST- HS ngày 12 tháng 01 năm 2023 đối với bị cáo:

Vi Văn T; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 19 tháng 03 năm 1993 tại huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn L Gi, xã B L, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vi Văn X và bà Lê Thị L; Chỗ ở hiện nay: thôn L Gi, xã B L, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/10/2022 đến ngày 06/01/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lĩnh cho đến nay. Có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác*:

*** Bị hại:**

1.Anh Lê Đức D – Sinh năm 1987.

Địa chỉ: Khu phố X Ch, thị trấn Y C, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh: Vi Văn T1 – Sinh năm: 1985.

2. Chị: Chị Đặng Thị D1 – Sinh năm: 1989.

Cùng địa chỉ: Thôn L Gi, xã B L, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

*Người làm chứng:

Anh Phạm Bá D2 – Sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Khu phố X Ch, thị trấn Y C, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, bị hại anh Lê Đức D có đơn xin xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Vi Văn T1 và chị Đặng Thị D1 có mặt. Người làm chứng anh Phạm Bá D2 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 22/10/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Như Xuân nhận được đơn tố giác của anh Lê Đức D, sinh năm 1987 ở Khu phố X Ch, thị trấn Y C, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa về việc ngày 21/10/2022, anh bị một người đàn ông tự xưng tên Nguyễn Văn H ở L Gi, xã B L, huyện Nh X gọi điện nói muốn bán gỗ keo. Sau đó đã đưa anh D đi xem đồi keo và thỏa thuận giá bán với số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu) đồng, đồi keo có diện tích khoảng 1,2 Ha, keo khoảng 04 năm tuổi ở L Gi, xã B L, huyện Nh X. Anh D và H đã làm giấy bán keo và H đã nhận đủ số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu) đồng từ anh D. Nhưng sau đó anh D biết được người đó không phải tên H, mà tên là T và khu đồi keo mà người đó bán cho D không phải của T mà của người có tên là T1. Anh D gọi điện cho T thì không liên lạc được. Đến nhà T thì không gặp và nghe nói T đã bỏ đi nên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Như Xuân tố giác để giải quyết theo quy định.

Quá trình xác minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Như Xuân đã xác định được đối tượng liên quan đến vụ việc nói trên xác định được Vi Văn T, sinh năm 1993 ở thôn L Gi, xã B L, huyện Như Xuân là đối tượng thực hiện hành vi nêu trên. Ngày 24/10/2022, nhận thức được hành vi của mình nên Vi Văn T đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Như Xuân xin đầu thú và thừa nhận hành vi phạm tội. Quá trình điều tra xác định được như sau:

Do thiếu tiền tiêu sài cá nhân nên Vi Văn T nghĩ ra cách lừa bán diện tích đồi keo không phải của mình cho người khác để chiếm đoạt số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu) đồng. Vào trưa ngày 20/10/2022, T sử dụng điện thoại của mình có số thuê bao là 0869187368 gọi đến số 0399661167 của anh Lê Đức D, sinh năm 1987 ở Khu phố X Ch, thị trấn Y C và nói "em tên là H ở L Gi, Bình Lương, em có đồi keo ở gần nhà, rộng 1,2 ha, keo 4 năm tuổi, anh có mua không thì sang xem". Do hôm đó trời mưa, anh D bảo mai sang xem. Trưa ngày 21/10/2022, T gọi điện tiếp cho anh D bảo sang xem keo. Sau đó khoảng 12 giờ cùng ngày thì anh D đi xe máy sang, T đón anh D ở phía sau nhà, rồi T dẫn anh D đi xem đồi keo. Thực chất đồi keo đó không phải của T mà của anh Vi Văn T1 (là anh trai của T, anh T1 và vợ là chủ sở hữu của vườn keo nói trên và T cũng không được phép bán do anh T1 và vợ không giao cho T quyền được bán), xem keo xong T và anh D thoả thuận, thống nhất giá bán là 50.000.000đ (năm mươi triệu). T và anh D đi về nhà anh D ở khu phố X Ch, thị trấn Y C, huyện Như Xuân. Tại nhà anh D, anh D đã lập giấy tờ mua bán, T dùng tên giả là Nguyễn Văn H và ký vào giấy bán keo cho anh D. Khi

ký kết mua bán keo và giao nhận tiền thì có anh Phạm Bá D2 ở khu phố X Ch, thị trấn Y C có mặt và ký chứng kiến. T bảo anh D "Anh đưa tiền cho em, để em đưa con đi nhập viện". Anh D đưa cho T 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) tiền mặt tại nhà anh D. Sau đó T và anh D, cùng anh D2 ăn cơm tại nhà anh D, ăn cơm xong, anh D chở T ra cây ATM ở Yên Cát và rút thêm 10.000.000đ (mười triệu đồng) đưa cho T. Nhận được tiền của anh D, T nhờ anh D chở ra chợ Yên Cát, sau đó anh D về. Sau đó, T đi mua quần áo rồi ra bến xe Yên Cát bắt xe đi Thành phố Thanh Hoá ăn chơi với bạn bè. Đến tối ngày 21/10/2022, anh D gọi điện báo cho T là sáng mai ngày 22/10/2022 sẽ vào cắt thu mua keo. T trả lời là "Vâng". Ngày 22/10/2022, anh D gọi điện nhưng T không nghe máy và cắt đứt liên lạc và chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng nói trên của anh Lê Đức D. Đến ngày 24/10/2022, do hết tiền nên T bắt xe về nhà và đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Như Xuân đầu thú.

Về việc thu giữ, tạm giữ, xử lý đồ vật, tài liệu vật chứng của vụ án: 01 (*Một*) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105, màu đen, số IMEI1: 357683104884475, số IMEI2: 357683104884483, gắn thẻ sim 0869187368, đã qua sử dụng, chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự huyện Như Xuân để đảm bảo việc xét xử, thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo Vi Văn T đã bồi thường cho bị hại anh Lê Đức D số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Anh D không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm

Bản cáo trạng số 02/CT-VKSNX ngày 03/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân đã truy tố bị cáo Vi Văn T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ Luật hình sự.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 31/01/2023, người bị hại là anh Lê Đức D trình bày anh D đã nhận lại đầy đủ số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu đồng) đã bị bị cáo chiếm đoạt nên anh D không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo Vi Văn T giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra và khai nhận T bộ hành vi phạm tội của mình, thừa nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa truy tố là hoàn toàn đúng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân vẫn giữ nguyên quan điểm về việc truy tố bị cáo với tội danh và điều luật đã viện dẫn như cáo trạng. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Vi Văn T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Vi Văn T từ 24 (Hai mươi bốn) đến 30 (Ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là từ 48 (Bốn mươi tám) đến 60 (Sáu mươi) tháng.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Tịch thu bán đấu giá sung công gồm: 01 (*Một*) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105, màu đen, số IMEI1: 357683104884475, số IMEI2: 357683104884483.

Đề nghị Tịch thu tiêu hủy: 01 thẻ sim số 0869187368, đã qua sử dụng không còn giá trị sử dụng (Thẻ sim được gắn với 01 chiếc điện thoại nêu trên).

Về án phí: Căn cứ Điều 6; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị buộc bị cáo Vi Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không bào chữa và thống nhất không có tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng, bị cáo biết hành vi của bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Như Xuân, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về tội danh: Do nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác để tiêu sài cá nhân nên vào ngày 21/10/2022, Vi Văn T dùng tên giả Nguyễn Văn H để liên lạc với anh Lê Đức D và nhận là chủ sở hữu của đồi keo có diện tích 1,2 Ha, keo khoảng 04 năm, vị trí đồi keo tại L Gi, xã B L, huyện Nh X để lừa bán cho anh Lê Đức D ở Khu phố X Ch, thị trấn Y C, huyện Như Xuân với giá 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) rồi chiếm đoạt số tiền nói trên của anh D. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, biên bản ghi lời khai, biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, phù hợp với nội dung của bản cáo trạng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Bị cáo Vi Văn T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi dùng thủ đoạn gian dối để lừa đảo chiếm đoạt tài sản với số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) là trái pháp luật, trái đạo đức xã hội, xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm

về sở hữu tài sản của bị hại, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, hành vi của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của BLHS. Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát là hoàn toàn chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi và hậu quả: Bị cáo Vi Văn T là thanh niên có sức khỏe nhưng không chịu lao động, làm ăn chân chính, mà lại dùng thủ đoạn gian dối, lợi dụng sự tin tưởng của người bị hại để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo không những trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người bị hại mà còn gây mất trật tự trị an xã hội. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo Vi Văn T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi sự việc xảy ra bị cáo đã cùng với gia đình kịp thời khắc phục hậu quả. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, tỏ thái độ ăn năn hối cải về lỗi lầm đã phạm nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Mặt khác sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện bị cáo đã ra đầu thú. Do đó bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo T không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[6] Về hình phạt:

[6.1] Căn cứ vào tính chất mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, trên cơ sở xem xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Để đạt được mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung nhưng đồng thời cũng để bị cáo thấy được tính khoan hồng của pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng. Xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà tạo điều kiện để bị cáo tự cải tạo, giáo dục tại địa phương cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện.

[6.2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Vi Văn T là nghiêm trọng nhưng tài sản đã được trả lại cho người bị hại. bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, sống phụ thuộc gia đình, cha mẹ già yếu, hoàn cảnh gia đình khó khăn (có xác nhận của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú). Mặt khác, bị cáo là người dân tộc thiểu số nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Vi Văn T đã tác động gia đình bồi thường số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) cho anh Lê Đức D. Anh D không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng:

- Đối với 01 (*Một*) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105, màu đen, số IMEI1: 357683104884475, số IMEI2: 357683104884483. Xét thấy đây là công cụ phương tiện bị cáo trực tiếp sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Do đó cần tịch thu bán đấu giá sung công quỹ nhà nước là phù hợp.

- Đối với 01 thẻ sim số 0869187368, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Án phí: Bị cáo Vi Văn T là người bị kết án nên buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự;

Điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Điều 6; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Vi Văn T phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Xử phạt: Bị cáo Vi Văn T 24 (Hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (Bốn mươi tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 01/02/2023.

Giao bị cáo Vi Văn T cho Uỷ ban nhân dân xã B L, huyện Nh X, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về vật chứng:

- Tịch thu bán đấu giá sung công: 01 (*Một*) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105, màu đen, số IMEI1: 357683104884475, số IMEI2: 357683104884483.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 thẻ sim số 0869187368.

Tất cả vật chứng nêu trên hiện đang được bảo quản tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Như Xuân theo biên bản giao nhận vật chứng số 10/2023/TSTV ngày 03 tháng 01 năm 2023 giữa công an huyện Như Xuân và chi cục thi hành án dân sự huyện Như Xuân.

Về án phí: Bị cáo Vi Văn T phải nộp 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (01/02/2023). Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Như Xuân;*
- *Bị cáo;*
- *Bị hại;*
- *Tòa án ND tỉnh Thanh Hóa;*
- *CQĐT Công an huyện Như Xuân;*
- *Phòng 7VKSND tỉnh Thanh Hóa.*
- *UBND xã B L, huyện Nh X, tỉnh Thanh Hóa.*
- *Chi cục THADS huyện Như Xuân;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thu Hằng